

Cài đặt MySQL

Tải MySQL

Bạn có thể tải MySQL tại: [MySQL Downloads](#). Chọn phiên bản *MySQL Community Server* bạn muốn và phù hợp với nền tảng của bạn.

Cài đặt MySQL trên Linux/Unix

Bạn nên cài đặt MySQL trên hệ thống Linux thông qua RPM. MySQL AB cung cấp sẵn RPM cho bạn tải về.

- **MySQL** - MySQL Database Server, quản lý cơ sở dữ liệu và bảng, điều khiển sự truy cập của người dùng, và xử lý các truy vấn SQL
- **MySQL-client** - Các chương trình MySQL Client, giúp nó có thể để kết nối và tương tác với Server.
- **MySQL-devel** - Các thư viện và Header file khá là thuận tiện khi biên dịch các chương trình khác mà sử dụng MySQL
- **MySQL-shared** - Các thư viện có thể chia sẻ cho MySQL Client.
- **MySQL-bench** - Tiêu chuẩn thử nghiệm các tool cho MySQL Database Server.

MySQL RPMs, mà được liệt kê ở đây, là được xây dựng trên một hệ thống SuSE Linux, nhưng chúng thường làm việc trên các phiên bản Linux khác mà không gặp phải vấn đề gì.

Dưới đây là các bước để cài đặt:

- Đăng nhập hệ thống bởi sử dụng root user.
- Chuyển tới thư mục chứa RPMs.
- Cài đặt MySQL Database Server bằng việc thực thi lệnh sau. Bạn nhớ thay thế filename trong chữ in nghiêng với tên tệp của RPM của bạn.

```
[root@host]# rpm -i MySQL-5.0.9-0.i386.rpm
```

Lệnh trên sẽ xử lý việc cài đặt MySQL Server, tạo một user của MySQL, tạo cấu hình cần thiết và bắt đầu MySQL Server một cách tự động.

Bạn có thể tìm tất cả /usr/bin và /usr/sbin liên quan tới MySQL. Tất cả bảng và cơ sở dữ liệu sẽ được tạo trong thư mục /var/lib/mysql.

- Phần này là tùy ý, nhưng cũng giới thiệu cho bạn để cài đặt RPMs theo cùng cách thức:

```
[root@host]# rpm -i MySQL-client-5.0.9-0.i386.rpm [root@host]# rpm -i
MySQL-devel-5.0.9-0.i386.rpm [root@host]# rpm -i MySQL-shared-5.0.9-
0.i386.rpm [root@host]# rpm -i MySQL-bench-5.0.9-0.i386.rpm
```

Cài đặt MySQL trên Windows

Bây giờ, cài đặt mặc định trên bất kỳ phiên bản Windows nào là dễ dàng hơn để sử dụng, khi MySQL được đóng gói hoàn toàn với một Installer. Bạn chỉ cần tải Installer package này, unzip nó ở bất cứ đâu, và chạy setup.exe.

Installer mặc định setup.exe sẽ đưa bạn qua một tiến trình thông thường và theo mặc định sẽ cài đặt mọi thứ dưới C:\mysql.

Kiểm tra Server bằng việc kích hoạt nó từ Command Prompt lần đầu tiên. Tới location của mysqld server mà có thể là C:\mysql\bin, và soạn:

```
mysqld.exe --console
```

Ghi chú: Nếu bạn đang sử dụng NT, thì bạn sẽ phải sử dụng mysqld-nt.exe thay vì mysqld.exe.

Nếu tất cả hoạt động tốt, bạn sẽ thấy một số thông báo về Startup và InnoDB. Nếu không, bạn có thể có một thông báo về giấy phép. Đảm bảo rằng thư mục mà lưu giữ dữ liệu là có thể truy cập với bất kỳ người dùng nào (có thể là mysql).

MySQL không thêm phần Start Menu, và không có GUI để dừng Server. Vì thế, nếu bạn muốn kích đúp chuột để khởi động Server, bạn nên nhớ dừng tiến trình này bằng tay bởi sử dụng mysqladmin, Task List, Task Manager, hoặc các cách thức cụ thể cho Windows khác.

Kiểm tra cài đặt MySQL:

Sau khi MySQL đã được cài đặt thành công, các bảng cơ sở đã được khởi tạo, và Server đã được khởi động, bạn có thể kiểm tra rằng mọi thứ có đang làm việc tốt không thông qua một số kiểm tra đơn giản.

Sử dụng mysqladmin Utility để lấy trạng thái Server

Sử dụng **mysqladmin** binary để kiểm tra phiên bản Server. Binary này sẽ có sẵn trong /usr/bin trên Linux hoặc trong C:\mysql\bin trên Windows.

```
[root@host]# mysqladmin --version
```

Nó sẽ cho kết quả sau trên Linux. Kết quả có thể đa dạng tùy thuộc vào cài đặt của bạn.

```
mysqladmin Ver 8.23 Distrib 5.0.9-0, for redhat-linux-gnu on i386
```

Nếu bạn không nhận được thông báo như thế, thì có thể đã có một số vấn đề trong cài đặt của bạn và bạn nên cần sửa nó.

Thực thi các lệnh SQL đơn giản bởi sử dụng MySQL Client

Bạn có thể kết nối với MySQL Server của bạn bởi sử dụng MySQL Client bởi lệnh mysql. Tại thời điểm này, bạn không cần cung cấp mật khẩu, khi theo mặc định, nó được thiết lập là trống.

Vi thế, bạn chỉ sử dụng lệnh sau:

```
[root@host]# mysql
```

Nó nên được phản hồi với một dòng nhắc mysql>. Bây giờ, bạn đã kết nối tới MySQL Server và bạn có thể thực thi tất cả lệnh SQL tại dòng nhắc mysql> như sau:

```
mysql> SHOW DATABASES; +-----+ | Database | +-----+ | mysql | |
test | +-----+ 2 rows in set (0.13 sec)
```

Các bước bố trí cài đặt MySQL

MySQL cung cấp một mật khẩu trống cho root user. Ngay khi bạn đã cài đặt thành công Database và Client, bạn cần thiết lập root password như sau:

```
[root@host]# mysqladmin -u root password "new_password";
```

Bây giờ, kết nối với MySQL Server, bạn sẽ phải sử dụng lệnh sau:

```
[root@host]# mysql -u root -p Enter password:*****
```

Người dùng UNIX cũng sẽ muốn đặt thư mục MySQL trong PATH, vì thế bạn không phải thử gõ cả full path mỗi khi bạn muốn sử dụng command-line client. Với Bash, nó sẽ là như sau:

```
export PATH=$PATH:/usr/bin:/usr/sbin
```

Chạy MySQL tại Boot time

Nếu bạn muốn chạy MySQL Server tại Boot time, thì đảm bảo rằng bạn có entry sau trong /etc/rc.local file.

```
/etc/init.d/mysqld start
```

Ngoài ra, bạn nên có mysqld binary trong thư mục /etc/init.d/.